

Số: 2688/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện trả kết quả ngay trong ngày thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thực hiện Kế hoạch số 1211/KH-UBND ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1933/TTr-SNV ngày 26/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục **36** thủ tục hành chính thực hiện trả kết quả ngay trong ngày đối với các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

1. Sở Công Thương: 03 thủ tục hành chính.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: 03 thủ tục hành chính.
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 thủ tục hành chính.
4. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh: 01 thủ tục hành chính.
5. Sở Tài chính: 02 thủ tục hành chính.
6. Sở Giao thông vận tải: 12 thủ tục hành chính.
7. Sở Tài nguyên và Môi trường: 09 thủ tục hành chính.
8. Sở Khoa học và Công nghệ: 01 thủ tục hành chính.
9. Sở Tư pháp: 02 thủ tục hành chính.
10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao các Sở, Ban, ngành có tên tại Điều 1 Quyết định này chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo thời gian tại Phụ lục đính kèm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt **trước ngày 15/10/2022**.

2. Căn cứ các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (*Trung tâm Công nghệ thông tin Quảng Nam*) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập quy trình điện tử vào Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh **trước ngày 20/10/2022**.

3. Kể từ ngày **21/10/2022**, các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian được phê duyệt tại Phụ lục được đính kèm tại Quyết định này.

4. Giao Văn phòng UBND tỉnh (*Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam*) theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận, giải quyết theo Quyết định này, định kỳ hằng tháng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện để UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Ban Chỉ đạo CCHC&CDS tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Trung tâm QTI;
- Lưu: VT, TTPVHCCQN, NCKS.

G:\Dropbox\CONG2022\QĐ\Nội vụ\04-8-QĐ trong ngày-So.docx

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRẢ TRONG NGÀY
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ, BAN, NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục	Nơi tiếp nhận		Tổng thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Ghi chú
			Trung tâm PVHCC	Tại đơn vị		
I. SỞ CÔNG THƯƠNG						
1	2.000526.000.00.00.H47	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	x		05	
2	2.000033.000.00.00.H47	Thông báo hoạt động khuyến mại	x			
3	2.001474.000.00.00.H47	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	x			
II. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ						
1	2.002029.000.00.00.H47	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	x		03	
2	2.002018.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	x		03	
3	1.010010.000.00.00.H47	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	x		03	
III. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI						
1	2.000027.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		14	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục	Nơi tiếp nhận		Tổng thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Ghi chú
			Trung tâm PVHCC	Tại đơn vị		
IV. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP						
1	1.009772.000.00.00.H47	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	x		15	
V. SỞ TÀI CHÍNH						
1	1.005434.000.00.00.H47	Mua quyền hóa đơn		x	02	
2	1.005435.000.00.00.H47	Mua hóa đơn lẻ		x	02	
VI. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI						
1	1.001765.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	x		02	
2	1.001735.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép xe tập lái	x		01	
3	1.005.210.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	x		03	
4	1.004.987.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	x		03	
5	1.002.286.000.00.00.H47	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	x		02	
6	1.002.063.000.00.00.H47	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	x		02	
7	1.010.707.000.00.00.H47	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	x		02	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục	Nơi tiếp nhận		Tổng thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Ghi chú
			Trung tâm PVHCC	Tại đơn vị		
8	1.002046.000.00.00.H47	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	x		02	
9	1.001577.000.00.00.H47	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	x		02	
10	1.003970.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		03	
11	1.006391.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		03	
12	2.001659.000.00.00.H47	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		03	
VII. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	1.004583.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất	x		01	
2	1.004550.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	x		01	
3	1.003862.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng 01chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	x		01	
4	1.003688.000.00.00.H47	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	x		01	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục	Nơi tiếp nhận		Tổng thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Ghi chú
			Trung tâm PVHCC	Tại đơn vị		
5	1.003625.000.00.00.H47	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	x		01	
6	1.003046.000.00.00.H47	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	x		01	
7	2.000801.000.00.00.H47	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	x		01	
8	1.001696.000.00.00.H47	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	x		01	
9	1.000655.000.00.00.H47	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	x		01	
VIII. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
1	1.004467.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	x		03	
IX. SỞ TƯ PHÁP						
1	1.000588.000.00.00.H47	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	x		03	
2	2.001807.000.00.00.H47	Cấp lại Thẻ đầu giá viên	x		03	
X. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	1.004839.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	x		02	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục	Nơi tiếp nhận		Tổng thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Ghi chú
			<i>Trung tâm PVHCC</i>	<i>Tại đơn vị</i>		
2	2.001064.000.00.00.H47	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	x		03	